

Phụ lục I.1

MỨC KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI TẬP THỂ, CÁ NHÂN LẬP THÀNH TÍCH CAO TẠI CÁC CUỘC THI TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC - THỂ THAO

(ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO QUỐC TẾ)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 03 /2020/NQ-HĐND ngày 21 /4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

TT	DANH MỤC CÁC CUỘC THI	MỨC KHUYẾN KHÍCH (50% mức quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP)			
		HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
A	Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế				
I	Đại hội thể thao				
1	Đại hội Olympic	175.000.000	110.000.000	70.000.000	+70.000.000
2	Đại hội Olympic trẻ	40.000.000	25.000.000	15.000.000	+15.000.000
3	Đại hội thể thao châu Á	70.000.000	42.500.000	27.500.000	+27.500.000
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	22.500.000	12.500.000	10.000.000	+10.000.000
II	Giải vô địch thế giới từng môn				
1	Nhóm I	87.500.000	55.000.000	35.000.000	+35.000.000
2	Nhóm II	35.000.000	20.000.000	15.000.000	+15.000.000
3	Nhóm III	22.500.000	12.500.000	10.000.000	+10.000.000
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	35.000.000	20.000.000	15.000.000	+15.000.000
2	Nhóm II	22.500.000	12.500.000	10.000.000	+10.000.000
3	Nhóm III	15.000.000	7.500.000	5.000.000	+5.000.000
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	20.000.000	10.000.000	7.500.000	+7.500.000
2	Nhóm II	15.000.000	7.500.000	5.000.000	+5.000.000
3	Nhóm III	10.000.000	6.000.000	4.000.000	+4.000.000
V	Đại hội thể thao khác				
1	Đại hội thể thao quy mô thế giới khác	35.000.000	20.000.000	15.000.000	+15.000.000
2	Đại hội thể thao quy mô châu Á khác	15.000.000	7.500.000	5.000.000	+5.000.000

B	Giải cúp thế giới, cúp châu Á và cúp Đông Nam Á; giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, Đông Nam Á: Được hưởng mức khuyến khích bằng 50% mức khuyến khích dành cho đại hội, giải vô địch của môn thể thao tương ứng tại mục A phụ lục này.
C	<p>Giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi: Được hưởng mức khuyến khích như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức khuyến khích bằng 20% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A phụ lục này; 2. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức khuyến khích bằng 30% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A phụ lục này; 3. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức khuyến khích bằng 40% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A phụ lục này; 4. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức khuyến khích bằng 50% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A phụ lục này.
D	Các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể: Được hưởng mức khuyến khích bằng số lượng người được khuyến khích theo quy định của điều lệ giải nhân với mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A, B và C phụ lục này.
E	Các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi: Từ huy chương thứ hai trở lên, mức khuyến khích chung cho cá nhân bằng số lượng người được khuyến khích nhân với 50% mức khuyến khích tương ứng quy định tại mục A, B, C và D phụ lục này.
G	Đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á, Đông Nam Á: Được hưởng mức khuyến khích bằng 30% mức khuyến khích quy định tại mục A, B, C, D và E phụ lục này.

